

## Những đợt sóng giao lưu ngôn ngữ Việt-Trung - vài vết tích sau thời nhà Minh trong từ điển Việt Bồ La (phần 1.4)

Nguyễn Cung Thông

[nguyencungthong@yahoo.com](mailto:nguyencungthong@yahoo.com)

Các bài 1.1, 1.2 và 1.3 ghi nhận vài dữ kiện ngôn ngữ cho thấy vết tích của âm đọc chữ Hán sau thời nhà Nguyên (1271-1368) như Phạm (so với Phạm), Phở Kiến (so với Phúc Kiến), linh nghiệm (linh nghiệm), thành ngữ bốn chữ Thượng Hòa Hạ Mục/Mộc. Phần này cho thấy vài vết tích về cách đọc Hán Việt và cách dùng nhập vào tiếng Việt sau thời nhà Minh (1368-1661). Các tài liệu viết tắt là TVGT (Thuyết Văn Giải Tự - khoảng 100 SCN), NT (Ngọc Thiên/543), ĐV (Đường Vận/751), NKVT (Ngũ Kinh Văn Tự/776), LKTG (Long Kham Thủ Giám/997), QV (Quảng Vận/1008), Tập Vận (TV/1037/1067), CV (Chính Vận/1375), TVi (Tự Vị/1615), VB (Vận Bồ/1100/1154), VH (Vận Hội/1297), LT (Loại Thiên/1039/1066), CTT (Chính Tự Thông/1670), Tự Vị Bồ (TViB/1666), KH (Khang Hi/1716), HNĐTĐ (Hán Ngữ Đại Tự Điển/1986), Thiết Vận (ThV/601), Vận Kinh (VK/1161), VBL (Dictionarium Annamiticum-Lusitanum-Latinum, Alexandre de Rhodes, 1651), VNTĐ (Việt Nam Tự Điển/1931/1954), HV (Hán Việt), Bắc Kinh (BK). Dấu hoa thị (\*) chỉ dạng âm cổ phục nguyên (reconstructed sound).

Loạt bài viết "A Mi Đà Phật hay A Di Đà Phật?" và "Những đợt sóng giao lưu ngôn ngữ Việt-Trung" hi vọng đóng góp phần nào về cách đọc Hán Việt nói riêng, và quá trình hình thành tiếng Việt nói chung. Ngoài ra, ta nên phải cẩn thận khi nghĩ rằng tiếng Việt đã tiến hóa hoàn toàn độc lập từ thời lấy lại chủ quyền đất nước từ thế kỷ X về sau. Các bài viết này chỉ ghi nhận tương quan ngữ âm vào thời nhà Nguyên và sau này, không xác minh cho nguồn gốc của các từ liên hệ (gốc Hán từ phương Bắc hay gốc phương Nam).

### 1. “Lịch sự” nghĩa tiếng Việt và tiếng Hán

Lịch sự 歷事 là một cụm từ HV ghi nhận vào thời nhà Minh (1368-1661) chỉ chế độ thực tập để thi ra làm quan, nhà Thanh sau đó cũng áp dụng theo chương trình "Lịch Sự" như vậy trong hệ thống tuyển sinh (Quốc Tử Giám). Hoạt động này tương tự như khi các học sinh trung học đi làm lấy kinh nghiệm (bên Úc gọi là work experience, nhưng không có thi khảo hạch như chương trình "Lịch Sự"). Như vậy, nghĩa của lịch sự<sup>1</sup> đã thay đổi vào thời VBL (1651) ở VN, dùng để chỉ biết lễ phép (cũng như đã học qua một khóa "Lịch Sự" trong "trường đời") và mở rộng nghĩa thêm để chỉ con người biết điều, sành điệu, đẹp đẽ ...v.v... Trái nghĩa với lịch sự là *nhà quê/dà quê, mọi rợ, di dịch, lóa lỏ, hở hang* ... đều hiện diện vào thời VBL: de Rhodes còn ghi nhận thêm "*mặc cho lịch sự*" (VBL, trang 701). Điều này cho thấy de Rhodes đặc biệt chú ý đến phong tục<sup>2</sup> lễ nghi của xứ An Nam. Đây rõ ràng là một vết tích giao lưu ngôn ngữ Việt Trung sau thời nhà Minh, lịch sự tiếng Trung bây giờ không có

nghĩa như tiếng Việt! Người viết có kiểm lại cách dùng này với vài người bạn Bắc Kinh, Thượng Hải thì thấy họ không dùng (và không hiểu rõ - có thể còn lộn với lịch sử 歷史!)

lịch sự: *cortès: vrbanus, a,*  
vm:

VBL – trang 413

701 S  
 sự, dân sự: *vassalos, pouo ;*  
*subditi, populus, i.*  
 sự, thối sự: *interprete: in-*  
*terpres, etis.*  
 sự, lịch sự: *coufagalante,*  
*cortès: vrbanus, a, vm. mạc*  
 cho lịch sự: *vestirgalante,*  
*limpo: ciuilibus ac mundis.*  
*indui vestibus.*

VBL – trang 701

Lịch sự. . . . 歷事 civil, poli.

Aubaret (1867)

## 2. Sóc là sói (hói)

Thời VBL, sóc với phụ âm đầu là xát/đầu lưỡi nhưng vẫn duy trì phụ âm cuối tắc -c. Tuy nhiên, dạng sóc<sup>3</sup> còn được dùng đồng thời với dạng sói (VBL) và dạng sói này vẫn còn trong tiếng Việt cho đến ngày nay.

Chữ thốc 秃 (thanh mẫu thẩu 透 vận mẫu ốc 屋 nhập thanh, khai khẩu nhất đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

他谷切 tha cốc thiết (TVGT, ĐV, QV, TV, VH, CV, LT, TG 字鑑, TVi, TĐTAT, TQTHCN 增廣字學舉隅, TĐTAT重訂直音篇) - theo TVGT là 無髮也 vô phát dã (không có tóc). TVi ghi âm 通入聲 thông nhập thanh

吐木切 thổ mộc thiết (NT, TTTH)

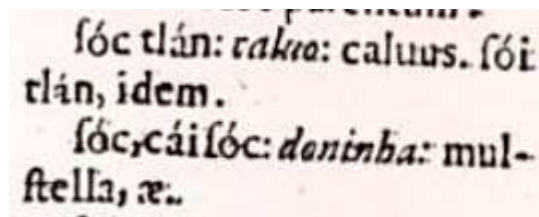
它谷切 tha cốc thiết (LTCN 六書正擿)

CV (1375) ghi thốc cùng vần với 秃牘族族 ngốc độc thốc tộc

吐谷切, 音突 thỏ cốc thiết, âm đột (CTT) - thời TVi (1615), CTT (1670) phụ âm cuối đã mất đi nên các âm HV thốc và đột đều đọc giống nhau - so với âm từ giọng Bắc Kinh bây giờ

...v.v...

Giọng Bắc Kinh bây giờ theo pinyin là từ so với giọng Quảng Đông tuk1 và các giọng Mân Nam 客家话 : [陆丰腔] tut7 [梅县腔] tut7 [宝安腔] tut7 [东莞腔] tuk7 [客语拼音字汇] tug5, giọng Mân Nam/Đài Loan thut1, tiếng Nhật toku và tiếng Hàn tok. Tiếng Tày Nùng còn dùng dạng xoọc nghĩa là hơi.



VBL/1651 – trang 692

### 3. Giáo (sáo) từng là sóc

Giáo đã mất phụ âm cuối -c, phản ánh âm đọc thời Trung Nguyên Âm Vận (1324) khi các phụ âm cuối tắc đã tha hóa. Chữ sáo/sóc 𪛗 (thanh mẫu sanh 生 vận mẫu giác 覺 nhập thanh, khai khẩu nhị đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

所角切 sở giác thiết (TVGT, ĐV, NT, QV, TG 字鑑, TTTH) - QV/TV ghi nhập thanh 入聲  
色角切, 音朔 sắc giác thiết, âm sóc (TV, VH, LT, CV, LTCN 六書正錙, TVi, CTT)

CV (1375) ghi cùng vần 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 sóc sỏ sáo thẩu)

山卓切 san trác thiết (TTTH)

...v.v...

Giọng BK bây giờ là shuò so với giọng Quảng Đông sok3 và các giọng Mân Nam 客家话 : [梅县腔] sok7 [陆丰腔] sok7 [客英字典] sok7 [海陆丰腔] sok7 [台湾四县腔] sok7, tiếng Nhật saku và tiếng Hàn sak.

Vào thời CV (1375) thì âm sóc đã mất phụ âm cuối để cùng vần với 𪛗 𪛗 tiêu (sáo) và thẩu - ngay chính thành phần hài thanh sóc 朔 cũng đã mất phụ âm cuối như từng ghi trong TVi (1615):

蘇故切, 音素 tô cô thiết, âm tổ

Rõ ràng cách đọc giáo trong tiếng Việt là vết tích của âm sóc sau thời QV, TV (sau thế kỷ XI). Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa/CNNAGN<sup>4</sup>, Bình Khí Bộ - Đệ Nhị Thập Bát còn ghi giáo là 教 cho thấy phụ âm cuối/tắc đã không còn hiện diện vào giai đoạn này.

*Trường thương giáo dài cứng lành (CNNAGN)*

Định nghĩa này/CNNAGN rất phù hợp với giải thích của TV (1037/1067) trường mâu<sup>5</sup> 長矛- xem hình chụp phần Phụ Chú.

*Ta quen đọc là sáo* ("Hán Việt Tự Điển", Thiều Chửu))

Trần Quang Khải 陳光啟 (1241-1294) đã ghi lại câu nói bất hủ: *Đoạt sáo Chương Dương độ, Cầm Hồ Hàm Tử quan* 奪槩章陽渡, 擒胡鹹子關 (Tòng giá hoàn kinh 從駕還京) Cướp giáo (giặc) ở bên Chương Dương, Bắt quân Hồ ở ải Hàm Tử.

Nguyễn Trãi 阮瑤 (1380-1442) cũng dùng sáo/giáo: *Sáo ứng sơn liên ngọc hậu tiền* 槩應連嶺前 (Thần Phù hải khẩu 神海口) Giáo dựng núi liền tựa ngọc bày trước sau.

#### 4. Bá cũng là bác

Âm HV bá<sup>6</sup> (anh của cha) là vết tích của âm sau thời nhà Nguyên/Minh, như các cách dùng bá phụ, bá mẫu, lão bá, bá tước ... Âm bác là âm cổ hơn như từng được ghi nhận trong TVGT, ĐV, QV ... Bác được nhắc đến trong VBL (trang 17) và trong "Báo cáo vắn tắt về tiếng An Nam hay Đông Kinh".

Chữ bách/bá 伯 (thanh mẫu bang 幫 vận mẫu mạch 陌 nhập thanh, khai khẩu nhị đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

博陌切, 音百 bác mạch thiết, âm bách (TVGT, ĐV, QV, TV, LT, CV, TTTH) - QV/TV/LT ghi nhập thanh 入聲

必駕切 tất giá thiết (CV, CTT) - tất đọc là bì (giọng BK bây giờ)

蒲各切, 音博 bồ các thiết, âm bác (TVi, KH)

壁益切, 音必 bích ích thiết, âm tất (TVi, KH)

博故切, 音布 bác cố thiết, âm bố (TVi, KH)

TNAV ghi thêm thượng thanh, vận bộ 皆來 giai lai

CV ngoài các vận bách 百 佰 伯 迫 柏 栢 còn ghi vận bá bả 霸 伯 灞 壩 靶 把

莫駕切 mạc giá thiết (CV) - CV ghi thêm khứ thanh (so với nhập thanh - bác mạch thiết)

補陌翻 bổ mạch phiên (BH 佩觿)

莫百切 mạc bách thiết (NT)

博麥切, 音百 bác mạch thiết, âm bách (TVi)

莫駕切, 音罵 mạc giá thiết, âm mạ (TVi)

博木切 bác mộc thiết (TVi)

布格切, 音百 bố cách/các thiết, âm bách (CTT)

...V.V...

Giọng BK bây giờ là bải bà bó so với giọng Quảng Đông baak3 baa3 và các giọng Mân Nam  
客家话 : [梅县腔] bak7 [宝安腔] bak7 [客英字典] bak7 [客语拼音字汇] bag5 [海陆丰腔]  
bak7 [陆丰腔] bak7 [沙头角腔] bak7 [台湾四县腔] bak7 [东莞腔] bak7

潮州话 : bêg4(pek) bêh4(peh), giọng Mân Nam/Đài Loan peh1, tiếng Nhật haku ha và tiếng Hàn payk phay.

Trong Chi Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa có các cách dùng

*Bá Phụ bác trai ngô ngang*

*Bác gái có hiệu bà nương thuận cùng* (Nhân Luân Bộ Đệ Tam)

...

Trong CNNAGN, chữ bác ghi bằng phó/phụ 傅 ho thấy phụ âm cuối không còn hiện diện. Một dạng chữ Nôm (Hồ Xuân Hương, Lý Hạng Ca Dao ...) chỉ bác là 博 bác phản ánh cách đọc cổ hơn với phụ âm cuối vẫn còn duy trì.

Trong An Nam Dịch Ngữ<sup>7</sup> cũng có các cách dùng

*Bá Phụ* bác cha 八查

*Bá Mẫu* bác mẹ 八𠵼

Các kí âm trên cho thấy tiếng Việt thời Chi Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa và An Nam Dịch Ngữ vẫn còn duy trì phụ âm cuối/tắc (-k) trong âm bác.

Các dữ kiện như phạm (phạm), linh nghiệm (linh nghiệm), lịch sự, thượng hòa hạ mục/mộc, Phở Kiến (Phúc Kiến), giáo (sáo, sóc), sói (hối, sóc), bá (bác) ... cho thấy cách dùng và phát âm tiếng Hán sau thời nhà Nguyên, tuy VN đã dành lại độc lập từ bao thế kỷ trước đó ... Tiếng Việt còn duy trì một số trường hợp âm cổ (bác) hiện diện song hành với âm mới hơn như phạm (phạm), bác (bá). Cách đọc (niệm) A Mi Đà Phật so với A Di Đà Phật phản ánh rất rõ giao lưu ngôn ngữ Việt Trung trong vòng ba thập niên qua.

## 5. Phụ chú và phê bình thêm

Phần này không hoàn toàn theo cách ghi tài liệu (Bibliography) tham khảo APA hay MLA vì bao gồm các phê bình thêm về đề tài, tài liệu và tác giả để người đọc có thể tra cứu thêm chi tiết và chính xác. Các tài liệu tham khảo chính của bài viết này là cuốn từ điển Annam-Lusitan-Latinh (thường gọi là Việt-Bồ-La) in lại bởi NXB Khoa Học Xã Hội (1991); có thể tra từ điển này trên mạng, như trang này chẳng hạn <http://books.google.fr/books?id=uGhkAAAAMAAJ&printsec=frontcover#v=onepage&q&f=false>

Để cho liên tục, bạn đọc có thể xem bài "Những đợt sóng giao lưu ngôn ngữ Việt-Trung qua con đường Phật giáo - âm Hán Việt phạm hay phạm? (phần 1.1)" trang này chẳng hạn

<http://www.vanchuongviet.org/index.php?comp=tacpham&action=detail&id=21418> hay [http://www.daophatngaynay.com/vn/files/file-nen/nhungdotsong\\_524971468.pdf](http://www.daophatngaynay.com/vn/files/file-nen/nhungdotsong_524971468.pdf) . Bài viết "Những đợt sóng giao lưu ngôn ngữ Việt-Trung qua con đường tôn giáo - vài vết tích sau thời nhà Nguyên trong từ điển Việt Bồ La (phần 1.3)" trang <http://www.daophatngaynay.com/vn/tai-lieu/tu-dien-tham-khao/18372-nhung-dot-song-giao-luu-ngon-ngu-viet-trung-qua-con-duong-ton-giao-vai-vet-tich-sau-thoi-nha-nguyen-trong-tu-dien-viet-bo-la-phan-1-3.html> ...v.v...

1) Lịch sự 曆事 xem giải thích và nguồn gốc của lịch sự trang

<http://www.zdic.net/c/jd/?c=6/2b/67677> . Năm 1931, cụ Đào Duy Anh/ĐDA có ghi nhận về cách dùng lịch sự như sau:

*"Lịch sự: do ở chữ am lịch - sự cố, luyện lịch sự tình, canh lịch sự biến mà ra = Trãi việc đời, việc gì cũng biết - Nay ta thường dùng theo nghĩa sắc đẹp, hoặc giao thiệp khôn khéo"* (HVTĐ - trang 502). Đây cũng phản ánh phần nào khắc khoải của ĐDA: có thể ĐDA đã đọc ở đâu hay đoán là cách dùng là như vậy vào thời này, nhưng tôi tra cứu (cho tới nay 9/2015) thì chưa thấy cách dùng bốn chữ này (am lịch sự cố) trong dân gian - đương nhiên cách dùng am lịch và sự cố đã hiện diện từ lâu đời (nhà Tấn, Đường ...).

2) Ngay cả LM dòng Tên Matteo Ricci (1552-1610), bậc đàn anh của LM Alexandre de Rhodes và có nhiều đóng góp quan trọng vào công cuộc truyền giáo ở TQ, đã biết thích nghi với cách ăn mặc địa phương - trích từ trang

[https://en.wikipedia.org/wiki/Matteo\\_Ricci#/media/File:Matteo\\_Ricci\\_2.jpg](https://en.wikipedia.org/wiki/Matteo_Ricci#/media/File:Matteo_Ricci_2.jpg)



LM Matteo Ricci trong y phục truyền thống TQ

3) Không những sóc (VBL - sói/hói tiếng Việt hiện đại) liên hệ đến thốc HV, VBL còn ghi nhận dạng *tlợc* hay *trợc* (trang 811) dẫn đến khả năng sóc và trợc cùng một gốc (ngữ căn). Tương quan giữa tổ hợp phụ âm tl/tr và s đã hiện diện trong VBL như

*Tlóm con mắt* (VBL - trang 811/812) - hay tốt hơn đọc là *sớm*

Ngoài ra, so sánh các trường hợp

*blái tlôi* > trái \*sôi ~ trái soài (VBL trang 811)

*bánh tlôi nước* (VBL trang 811) > bánh/chè sôi nước

*gà sổng* (VBL trang 697) ~ gà trống

*trái* (trái phép) ~ sái (sái phép)

*tréo* ~ xéo

*trêch* ~ xêch

...v.v...

4) "Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa" (CNNAGN) Trần Xuân Ngọc Lan phiên âm và chú giải - NXB Khoa Học Xã Hội (Hà Nội 1985)

5) Tập Vận (TV) 集韻 soạn vào thời Tống (1037/1067) có 53525 chữ Hán, khoảng hai lần Quảng Vận (QV)

26  
集韻  
稍  
槩  
鋤  
長  
亦  
从  
金  
作  
(入聲)  
四  
覺  
色  
角  
切  
p659

Tập Vận (1037/1067)

6) Bách/bá 伯 viết bằng bộ nhân hợp với chữ bạch 白 tuy âm bạch vẫn còn duy trì trong tiếng Việt (chó bạch) nhưng phụ âm cuối/tắc của bách đã tha hóa để cho ra dạng bá. Các chữ khác

dùng bạch làm thành phần hài thanh vẫn còn đọc là bách như cây bách 柏bách 帛(lụa trắng), bách 迫hại ...v.v...

Các dạng bá tánh (bách tính 百姓trăm họ), bá quan (bách quan 百官các quan gọi chung), bá bệnh (bách bệnh 百病chỉ chung các chứng bệnh) đều là các cách dùng rất lâu đời trong Sử Kí, Kinh Dịch, Lã Thị Xuân Thu ...Nhưng cách đọc bá (so với bách) là cách đọc sau này mà thôi.

7) "An Nam Dịch Ngữ" Vương Lộc giới thiệu và chú giải - NXB Đà Nẵng (Đà Nẵng, 1995).